TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 3 - 2025
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy Phượng

Ông Thạch Phới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị P, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Thạch Oanh N, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Thạch Thị P là nguyên đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Bà và ông Oanh N chung sống năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống có ba con chung tên Thạch S, sinh ngày 06/4/1999; Thạch H, sinh ngày 07/8/2001 và Thạch H1, sinh ngày 01/02/2007; S và H đã trưởng thành, sống tự lập; còn Thạch H1 do bà P nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Oanh N thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cải, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Do đó,

bà và ông Oanh N đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà P yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Oanh N.

Về con chung: Con chung tên Thạch S, sinh ngày 06/4/1999 và Thạch H, sinh ngày 07/8/2001 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn Thạch H1, sinh ngày 01/02/2007 bà yêu cầu nuôi dưỡng và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Thạch Oanh N là bị đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Ông và bà P chung sống năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống có ba con chung tên Thạch S, sinh ngày 06/4/1999; Thạch H, sinh ngày 07/8/2001 và Thạch H1, sinh ngày 01/02/2007; S và H đã trưởng thành, sống tự lập; còn Thạch H1 đang do bà P nuôi dưỡng. Giữa ông và bà P không có mâu thuẫn gì cả, do ông Oanh N thường xuyên uống rượu nên vợ giận và không muốn chung sống với ông. Do đó, ông và bà P đã không còn chung sống với nhau 10 năm nay rồi; vợ chồng cũng không còn quan tâm liên lạc với nhau. Nay ông có ý kiến những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông Oanh N không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ. Trường hợp Tòa giải quyết quyết cho ly hôn thì về con chung tên Thạch S, sinh ngày 06/4/1999; Thạch H, sinh ngày 07/8/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn Thạch H1, sinh ngày 01/02/2007 ông thống nhất giao con cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét giải quyết về hôn nhân: Bà P và ông Oanh N chung sống năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà P và ông Oanh N là vợ chồng. Về con chung: Bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N có 03 người con chung tên tên Thạch S, sinh ngày 06/4/1999; Thạch H, sinh ngày 07/8/2001 và Thạch H1, sinh ngày 01/02/2007. Quá trình tòa giải quyết vụ án có 01 người con chung tên Thạch H1, sinh ngày 01/02/2007 chưa trưởng thành nên cả bà P và ông Oanh N thống nhất giao con chung tên Thạch H1 cho bà P nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm Thạch H1 cũng trưởng thành; xét về con chung của bà P và Oanh N đều đã trưởng thành nên đề nghị không xem giải quyết. Về tài sản chung: Bà P và ông Oanh N không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Bà P và ông Oanh N khai không có,

không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà P nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Thạch Thị P nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án là ông Thạch Oanh N có hộ khẩu thường trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Thạch Thị P là nguyên đơn và ông Thạch Oanh N là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông Oanh N là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N đều khai nhận ông và bà chung sống với nhau năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà đã vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; hôn nhân của bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N không được pháp luật công nhận.

[4] Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc yêu cầu ly hôn là do bà Thạch Thị P và ông Thạch O Ni không hợp nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau và cũng không còn chung sống với nhau nhiều năm. Bà Thạch Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Oanh N; còn ông Oanh N không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải động viên cho bà P và ông Oanh N đoàn tụ lại và cùng nhau chung sống để xây dựng hôn nhân hạnh phúc nhưng ông Oanh N không đến Tòa để hòa giải, cho thấy ông Oanh N không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Tuy ông Oanh N không đồng ý ly hôn với bà P, còn bà P cương quyết không ly hôn với ông Oanh N nhưng bà P và ông Oanh N chung sống mà không có đăng ký kết hôn nên không thể giải quyết cho bà P và ông Oanh N ly hôn mà cần áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà P và ông Oanh N là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N có 03 người con chung tên tên Thạch S, sinh ngày 06/4/1999; Thạch H, sinh ngày 07/8/2001 và Thạch H1, sinh ngày 01/02/2007. Quá trình tòa giải quyết vụ án có 01 người con chung tên Thạch H1, sinh ngày 01/02/2007 chưa trưởng thành nên cả bà P và ông Oanh N thống nhất giao con chung tên Thạch H1 cho bà P nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm Thạch H1 cũng trưởng thành; xét thấy tại thời điểm xét xử con chung của bà P và Oanh N đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem giải quyết.

[6] Về chia tài sản: Bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc bà Thạch Thị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N là vợ chồng.

Về con chung: Con chung tên Thạch S, sinh ngày 06/4/1999; Thạch H, sinh ngày 07/8/2001 và Thạch H1, sinh ngày 01/02/2007 đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Thạch Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008728 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè; ông L đã nộp đủ án phí. Buộc ông L phải nộp 300.000 đồng án cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Bà Thạch Thị P và ông Thạch Oanh N được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai